

BỘ NỘI VỤ

Số: **585/QĐ-BNV**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ Hội Y học giới tính Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Y học giới tính Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Y học giới tính Việt Nam đã được Đại hội lần thứ I (nhiệm kỳ 2010 - 2015) của Hội thông qua ngày 03 tháng 4 năm 2010 tại Hà Nội.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Y học giới tính Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Báo*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Bộ Y tế;
- Bộ Công an;
- Lưu: VT, TCPCP, G.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Tiên Đình
Nguyễn Tiên Đình



ĐIỀU LỆ

HỘI Y HỌC GIỚI TÍNH VIỆT NAM

(Bị duyệt kèm theo Quyết định số: 585/QĐ-BNV

Ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi của Hội

1. Tên gọi: Hội Y học giới tính Việt Nam.
2. Tên giao dịch quốc tế: Vietnamese Society for Sexual Medicine (tên viết tắt: VSSM).

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Y học giới tính Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của các bác sỹ, dược sỹ, kỹ sư, cử nhân và các tổ chức Việt Nam hoạt động trong ngành y tế quan tâm đến công tác chăm sóc sức khoẻ giới tính nhằm mục đích cùng nhau đoàn kết phấn đấu chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân, góp phần xây dựng nền y học Việt Nam từng bước đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2. Hội Y học giới tính Việt Nam có mục đích tập hợp, đoàn kết, trao đổi kinh nghiệm, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học cho hội viên để phục vụ có chất lượng việc chăm sóc sức khỏe giới tính cho nhân dân.

Điều 3. Nguyên tắc và phạm vi hoạt động

1. Hội tổ chức hoạt động theo các nguyên tắc: tự nguyện; tự quản; bình đẳng; công khai, minh bạch, dân chủ, tự trang trải kinh phí; theo pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Hội có phạm vi hoạt động trong cả nước về lĩnh vực chăm sóc sức khoẻ giới tính; chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Y tế và các Bộ, ngành có liên quan về lĩnh vực Hội hoạt động.

Điều 4. Tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản và trụ sở của Hội

1. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Trụ sở của Hội đặt tại thành phố Hà Nội và có văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 5. Nhiệm vụ của Hội

1. Trao đổi kinh nghiệm trong chuyên môn nghiệp vụ, khoa học kỹ thuật, tiếp thu những thông tin chuyên ngành trong và ngoài nước nhằm động viên và giúp đỡ hội viên trau dồi y đức, nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, phát triển công tác nghiên cứu khoa học, tiếp thu và áp dụng những tiến bộ kỹ thuật mới của ngành y tế trong khu vực và trên thế giới.

2. Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên sâu về y học giới tính.

3. Xây dựng, củng cố và phát triển tổ chức, mạng lưới hội viên; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên và tổ chức thành viên của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Tuyên truyền, vận động hội viên chấp hành đúng pháp luật và Điều lệ Hội; xây dựng và chấp hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp của Hội theo quy định của pháp luật và các quy chuẩn chuyên môn kỹ thuật do Bộ Y tế ban hành.

5. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về tổ chức, hoạt động và quản lý hội theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền hạn của Hội

1. Tổ chức và hoạt động theo pháp luật và Điều lệ Hội; tuyên truyền, phổ biến tôn chỉ, mục đích của Hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Hội và hội viên.

2. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nghiên cứu, tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp cho hội viên để thực hiện nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật. Giới thiệu hội viên đi dự các hội nghị khoa học hoặc tu nghiệp ở nước ngoài, tham gia vào các hội y học giới tính trong khu vực và thế giới theo quy định của pháp luật.

3. Truyền thông, tư vấn, phản biện, giám sát về những vấn đề liên quan đến sức khỏe giới tính theo quy định của pháp luật; thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe giới tính cho nhân dân theo tôn chỉ, mục đích của Hội.

4. Hợp đồng nghiên cứu, triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học, cung cấp dịch vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe giới tính cho nhân dân theo quy định của pháp luật.

5. Thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

6. Hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật về lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc sức khỏe giới tính cho nhân dân.

7. Tạo nguồn thu cho Hội từ hội phí do hội viên đóng góp và từ các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

8. Kết nạp và khai trừ hội viên theo quy định của Điều lệ Hội.

Chương III

HỘI VIÊN, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI VIÊN

Điều 7. Hội viên

1. Hội viên chính thức của Hội Y học giới tính Việt Nam gồm:

a) Hội viên cá nhân là công dân Việt Nam tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội và có một trong những điều kiện sau:

- Là bác sỹ, dược sỹ, kỹ sư, cử nhân trở lên đang làm việc, nghiên cứu, hoạt động trong ngành y tế quan tâm đến công tác chăm sóc sức khỏe giới tính thuộc chuyên ngành: chăm sóc sức khỏe sinh sản nam giới, chăm sóc sức khỏe sinh sản nữ giới, y học cổ truyền, tim mạch, thần kinh, tâm thần, y sinh học và di truyền, mô học và phôi thai học, tâm lý, dân số;

- Các kỹ thuật viên cao cấp thuộc các chuyên ngành trên, công tác từ 5 năm trở lên.

b) Hội viên tổ chức gồm các tổ chức Việt Nam hoạt động trong ngành y tế quan tâm đến công tác chăm sóc sức khỏe giới tính, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội đều được Ban Thường vụ Trung ương Hội xem xét kết nạp.

2. Hội viên danh dự: tổ chức và cá nhân Việt Nam có uy tín trong xã hội, có nhiều đóng góp cho Hội sẽ được Ban Thường vụ Trung ương Hội công nhận là hội viên danh dự. Hội viên danh dự được tham gia các hoạt động của Hội nhưng không tham gia ứng cử, đề cử vào cơ quan lãnh đạo Hội và không tham gia biểu quyết các vấn đề của Hội.

Điều 8. Quyền của hội viên

1. Được cấp thẻ hội viên.

2. Tham gia hoạt động của Hội, có quyền thảo luận biểu quyết công tác của Hội, bầu cử và ứng cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hội.

3. Được bồi dưỡng, học tập về y học giới tính do Hội tổ chức.

4. Được Hội bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng và hợp pháp trước pháp luật và công luận.

5. Được hưởng mọi quyền lợi khác do Hội quy định.

6. Được quyền xin ra Hội khi không tán thành Điều lệ Hội hoặc không có điều kiện để tiếp tục tham gia sinh hoạt hội.

Điều 9. Nghĩa vụ của hội viên

1. Tôn trọng Điều lệ của Hội; chấp hành mọi chủ trương nghị quyết của Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương Hội.

2. Tham gia các hoạt động và hoàn thành tốt nhiệm vụ được Hội phân công.

3. Tích cực học tập, trau dồi y đức và kiến thức về chuyên ngành để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân góp phần phục vụ tốt sức khoẻ của nhân dân.

4. Đẩy mạnh việc nghiên cứu khoa học, phổ biến những kinh nghiệm tới hội viên và đồng nghiệp.

5. Bảo vệ và nâng cao uy tín của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để cùng phấn đấu thực hiện mục đích của Hội; tham gia đóng góp vào việc tuyên truyền và phát triển hội viên.

6. Sinh hoạt và đóng hội phí đầy đủ.

Điều 10. Thủ tục vào Hội, ra Hội

1. Tổ chức và cá nhân Việt Nam có đủ điều kiện quy định tại Điều 7 của Điều lệ này có quyền làm đơn xin gia nhập Hội và gửi tới Ban Chấp hành Trung ương Hội Y học giới tính Việt Nam xem xét, quyết định.

2. Tư cách hội viên sẽ không còn trong các trường hợp sau:

a) Hội viên tự nguyện xin ra khỏi Hội;

b) Hội viên vi phạm pháp luật, đạo đức nghề nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấm hành nghề;

c) Hội viên bị kỷ luật bằng hình thức không công nhận tư cách hội viên.

3. Ban Thường vụ Trung ương Hội quy định cụ thể trình tự, thủ tục vào Hội, ra Hội; quản lý việc cấp, sử dụng thẻ hội viên.

Chương IV TỔ CHỨC HỘI

Điều 11. Tổ chức của Hội

1. Hội y học giới tính được thành lập ở Trung ương và địa phương.

a) Ở Trung ương: Hội Y học giới tính Việt Nam.

b) Ở địa phương: Hội y học giới tính hoạt động trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định cho phép thành lập và phê duyệt Điều lệ, nếu tán thành Điều lệ Hội Y học giới tính Việt Nam, có đơn xin gia nhập Hội, được Ban Chấp hành Trung ương Hội xem xét, công nhận là hội thành viên.

2. Tổ chức Hội, gồm:

a) Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể;

b) Ban Chấp hành;

c) Ban Thường vụ;

d) Ban Kiểm tra;

đ) Văn phòng Hội;

e) Các ban chuyên môn và đơn vị, tổ chức trực thuộc Hội.

Điều 12. Đại hội đại biểu toàn quốc

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu toàn quốc.

a) Đại hội đại biểu toàn quốc do Ban Chấp hành Trung ương Hội triệu tập, 5 năm tổ chức một lần;

b) Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị;

c) Số lượng đại biểu dự đại hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội quy định;

d) Việc quyết định các nội dung Đại hội được thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết giơ tay do Đại hội quyết định.

2. Đại hội đại biểu toàn quốc có nhiệm vụ:

a) Thảo luận báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động của Hội;

b) Thảo luận góp ý báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương Hội;

c) Thảo luận, phê duyệt quyết toán tài chính và thông qua kế hoạch tài chính khoá mới;

d) Thảo luận, sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc các quy định của Hội;

đ) Bầu cử Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Trung ương Hội;

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

Điều 13. Ban Chấp hành Trung ương Hội

1. Ban Chấp hành Trung ương Hội là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai kỳ Đại hội. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương Hội là 5 năm. Số lượng uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Hội do Đại hội Đại biểu toàn quốc quyết định.

2. Ban Chấp hành Trung ương Hội hoạt động theo Quy chế được Đại hội thông qua và Điều lệ Hội. Ban Chấp hành họp thường kỳ mỗi năm một lần, khi cần thiết có thể họp bất thường. Hội nghị Ban Chấp hành chỉ được tiến hành khi có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số uỷ viên Ban Chấp hành có mặt tại Hội nghị. Các quyết định, nghị quyết của Ban Chấp hành được thông qua và có hiệu lực khi có trên 1/2 (một phần hai) số uỷ viên dự họp tán thành. Trường hợp ngang nhau thì bên có ý kiến của Chủ tịch Hội sẽ được chấp thuận.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương Hội:

a) Tôn trọng và thi hành Điều lệ của Hội; thực hiện các nghị quyết của Đại Hội; điều hành mọi hoạt động của Hội; công nhận hội viên;

b) Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ để thông báo, giới thiệu kết quả nghiên cứu khoa học của chuyên ngành y học giới tính; tổ chức hội thảo từng đề tài chuyên sâu của ngành để bồi dưỡng và nâng cao trình độ kiến thức của hội viên; tổ chức các lớp tập huấn trong nước; bồi dưỡng hướng dẫn cho hội viên các đề tài nghiên cứu khoa học; giúp đỡ hội viên trong việc hoàn thành luận án để đạt các

học vị khoa học; giới thiệu hội viên tham dự các buổi hội thảo hoặc đi tu nghiệp ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;

c) Đề nghị với cấp có thẩm quyền trong việc đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên ngành y học giới tính;

d) Xuất bản sách báo, tạp chí theo quy định của pháp luật;

đ) Bầu cử, bãi miễn các ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, Phó Tổng Thư ký. Hình thức bỏ phiếu bầu hoặc bãi miễn do Ban Chấp hành quyết định;

e) Giữa hai kỳ Đại hội nếu có nhu cầu bổ sung hoặc thay thế ủy viên Ban Chấp hành thì Chủ tịch giới thiệu, Ban Chấp hành thông qua. Số lượng bầu bổ sung không quá 1/3 (một phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội bầu. Hình thức bầu bổ sung do Hội nghị Ban Chấp hành quyết định;

g) Giới thiệu danh sách những người được đề cử vào Ban Chấp hành trong Đại hội nhiệm kỳ sau;

h) Đề nghị khen thưởng các cá nhân và tập thể của Hội có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học cũng như các hoạt động của Hội lên cơ quan có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật;

i) Ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành.

Điều 14. Ban Thường vụ Trung ương Hội

1. Ban Thường vụ Trung ương Hội là cơ quan thường trực của Ban Chấp hành Trung ương Hội, định kỳ sáu tháng họp một lần. Các cuộc họp của Ban Thường vụ chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên có mặt và mọi quyết định phải được trên 1/2 (một phần hai) các ủy viên dự họp tán thành.

2. Ban Thường vụ Trung ương Hội gồm 07 người

a) Chủ tịch;

b) 03 Phó Chủ tịch;

c) Tổng Thư ký;

d) 02 Phó Tổng Thư ký;

3. Nhiệm vụ của Ban Thường vụ Trung ương Hội:

a) Chỉ đạo, điều hành các công việc của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành Trung ương Hội; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Hội;

b) Báo cáo kiểm điểm công tác trong các kỳ họp của Ban Chấp hành.

4. Quyền hạn của Ban Thường vụ Trung ương Hội:

a) Quyết định thành lập Hội đồng khoa học, các ban chuyên môn và các tổ chức trực thuộc Hội, xây dựng và ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Văn phòng Hội theo đúng quy định của pháp luật;

b) Quyết định khen thưởng hội viên, công nhận hội viên mới, xóa tên và thu hồi thẻ hội viên khi hội viên vi phạm pháp luật và Điều lệ Hội;

c) Quyết định cử cán bộ Hội đi dự hội nghị, hội thảo, công tác, tập huấn trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Ban Kiểm tra Trung ương Hội

1. Ban Kiểm tra Trung ương Hội do Đại hội bầu, gồm: trưởng ban, phó trưởng ban và từ 03 đến 05 ủy viên. Trưởng ban được bầu ra trong số các ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Hội.

2. Ban Kiểm tra Trung ương Hội có nhiệm vụ giám sát các hội viên và các tổ chức thành viên của Hội trong việc chấp hành Điều lệ Hội; việc thực hiện các chủ trương của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Trung ương Hội; kiểm tra việc quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của Hội và xem xét giải quyết các khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội.

3. Báo cáo kết quả kiểm tra trong hội nghị hàng năm và trong Đại hội toàn thể.

4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra Trung ương Hội theo nhiệm kỳ của Đại hội.

Điều 16. Văn phòng Hội, các Ban chuyên môn, đơn vị và tổ chức trực thuộc Hội.

1. Văn phòng Hội được tổ chức và hoạt động theo quy chế do Ban Thường vụ quy định. Văn phòng Hội có nhiệm vụ theo dõi, tổng hợp tình hình hoạt động của Hội giúp Ban Thường vụ Trung ương Hội điều phối các hoạt động của Hội; quản lý tài sản, cơ sở vật chất, tài liệu và tài chính của Hội.

2. Các ban gồm: Ban Đối ngoại; Ban Nghiên cứu khoa học; Ban Đào tạo nghiệp vụ; Ban Báo chí, ấn loát. Các ban có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất cho Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Trung ương Hội về các mặt hoạt động trong lĩnh vực mình phụ trách.

3. Các tổ chức trực thuộc Hội thành lập theo Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 17. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là người đứng đầu Hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu ra trong số các ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Hội bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội có nhiệm vụ:

a) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương Hội, điều hành các hoạt động của Hội và triển khai, thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Trung ương Hội theo đúng pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ký các nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương Hội. Đối với các văn bản quan trọng khác, trước khi ký phải tham khảo ý kiến và có sự

nhất trí của quá 1/2 (một phần hai) số uỷ viên trong Ban Thường vụ Trung ương Hội. Trường hợp khẩn cấp thì sau khi ký văn bản phải thông báo kịp thời cho Ban Thường vụ Trung ương Hội;

c) Ký phê duyệt nhân sự cho Văn phòng, các ban chuyên môn của Hội;

d) Là chủ tài khoản của Hội;

đ) Trường hợp khi Chủ tịch vắng mặt, nếu cần có thể uỷ quyền cho một Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch.

2. Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu ra trong số uỷ viên Ban Thường vụ Trung ương Hội theo đề nghị của Chủ tịch bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Phó Chủ tịch được Chủ tịch Hội phân công phụ trách từng mặt hoạt động cụ thể của Hội và chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương Hội và Chủ tịch Hội về kết quả điều hành hoạt động của Hội.

Điều 18. Tổng Thư ký và Phó Tổng thư ký

1. Tổng Thư ký Hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu ra trong số uỷ viên Ban Thường vụ Trung ương Hội, có nhiệm vụ thường trực giải quyết các công việc của Hội, do Chủ tịch Hội phân công và điều hành mọi hoạt động thường ngày của Hội.

2. Tổng Thư ký Hội có nhiệm vụ chuẩn bị nội dung các kỳ sinh hoạt của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Trung ương Hội; định kỳ báo cáo Chủ tịch Hội, Ban Chấp hành Trung ương Hội về các hoạt động của Hội; lập báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương Hội; quản lý tài sản và tài chính của Hội; quản lý danh sách, hồ sơ và tài liệu về các hội viên và các tổ chức trực thuộc; đề nghị khen thưởng, kỷ luật; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và Ban Chấp hành Trung ương Hội về các hoạt động của Văn phòng Hội.

3. Phó Tổng thư ký Hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu ra trong số uỷ viên Ban Thường vụ Trung ương Hội, là người giúp việc cho Tổng Thư ký và chịu trách nhiệm về các công việc được Tổng Thư ký Hội giao.

Chương V

TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 19. Tài chính của Hội

1. Các nguồn thu của Hội gồm:

a) Hội phí do các tổ chức thành viên, hội viên đóng góp (Ban Chấp hành Trung ương Hội quy định hàng năm);

b) Các khoản tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Các khoản thu hợp pháp khác;

Kinh phí thu được từ các nguồn trên không được chia cho hội viên.

2. Các khoản chi của Hội gồm:

a) Các hoạt động của Hội và cơ quan thường trực Hội;

b) Khen thưởng;

c) Đầu tư, xây dựng, mua sắm, sửa chữa tài sản, cơ sở vật chất của Hội;

d) Chi hợp pháp khác.

Điều 20. Tài sản của Hội

Tài sản của Hội gồm nhà cửa, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho hoạt động của Hội và các tài sản khác thuộc sở hữu của Hội.

Điều 21. Quản lý tài chính, tài sản

1. Ban Thường vụ Trung ương Hội thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Hội quản lý tài sản, tài chính của Hội.

2. Ban Thường vụ Trung ương Hội quy định cụ thể quy chế quản lý và sử dụng tài sản, tài chính của Hội theo các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý, sử dụng tài sản và tài chính.

Điều 22. Phương thức giải quyết tài sản, tài chính khi Hội giải thể

Khi Hội giải thể hoặc bị giải thể thì toàn bộ tài sản, tài chính của Hội được xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VI

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Hội viên và các tổ chức trực thuộc Hội có thành tích xuất sắc trong công tác sẽ được Ban Thường vụ xem xét khen thưởng hoặc đề nghị Nhà nước khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Các công dân, tổ chức, doanh nghiệp có đóng góp về vật chất, tinh thần cho Hội sẽ được Ban Thường vụ Trung ương Hội xem xét khen thưởng.

3. Ban Chấp hành Trung ương Hội quy định cụ thể thủ tục, tiêu chuẩn và thẩm quyền khen thưởng.

Điều 24. Kỷ luật

1. Hội viên vi phạm pháp luật, Điều lệ, nghị quyết của Hội gây ảnh hưởng đến uy tín của Hội thì tùy theo mức độ sẽ bị Ban Chấp hành Trung ương Hội xem xét khiển trách, cảnh cáo, cho thôi giữ chức vụ trong Ban Chấp hành Trung ương Hội hoặc thôi công nhận là hội viên.

2. Ban Chấp hành Trung ương Hội quy định cụ thể nội dung, trình tự, thủ tục và hình thức kỷ luật của Hội.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội Y học giới tính Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu có mặt tại Đại hội thông qua và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ này có 7 Chương, 26 Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I (nhiệm kỳ 2010 - 2015) của Hội Y học giới tính Việt Nam thông qua ngày 03 tháng 4 năm 2010 tại Hà Nội và chính thức có hiệu lực thi hành theo quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ các quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội Y học giới tính Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương Hội Y học giới tính Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện bản Điều lệ này. /.

Phức

